

Số: 174/2019/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thư viện  
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, về việc Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 09/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc đề nghị Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa-xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định chung:**

1. Nguyên tắc xác định mức thu, căn cứ xác định mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đơn vị thu phí: Thư viện tỉnh và thư viện các cấp được đầu tư bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham khảo tài liệu, thông tin tại thư viện tỉnh và thư viện các cấp.

### 3. Đối tượng miễn, giảm:

a) Miễn phí thư viện: Đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

b) Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về "Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa". Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú.

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

### Điều 2. Quy định cụ thể về mức thu phí:

#### 1. Thư viện tỉnh:

a) Phí phòng đọc, phòng mượn phổ thông:

<b>Đối tượng</b>	<b>Mức thu (đồng/thẻ/năm)</b>
Người lớn	20.000
Trẻ em	10.000

b) Phí phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và đặc biệt khác:

<b>Đối tượng</b>	<b>Mức thu (đồng/thẻ/năm)</b>
Người lớn	80.000
Trẻ em	20.000

c) Giá dịch vụ: Dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thông tin thư viện trong nước và quốc tế, cung cấp thư mục tài liệu chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin đã được xử lý theo yêu cầu của bạn đọc, vận chuyển tài liệu phục vụ bạn đọc trực tiếp hoặc qua Bru điện... là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thoả thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.



**2. Thư viện huyện, thị xã, thành phố, thư viện thiếu nhi:**

a) Phí phòng đọc, phòng mượn phổ thông:

<b>Đối tượng</b>	<b>Mức thu (đồng/thẻ/năm)</b>
Người lớn	10.000
Trẻ em	5.000

b) Phí phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và đặc biệt khác:

<b>Đối tượng</b>	<b>Mức thu (đồng/thẻ/năm)</b>
Người lớn	40.000
Trẻ em	10.000

c) Giá dịch vụ: Các dịch vụ thông tin thư viện (nếu có) là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thoả thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.

**3. Thư viện xã, phường, làng và khu phố:**

Phí phòng đọc, phòng mượn phổ thông:

<b>Đối tượng</b>	<b>Mức thu (đồng/thẻ/năm)</b>
Người lớn	5.000
Trẻ em	2.000

**4. Thư viện tư nhân, phòng đọc khác:**

Căn cứ vào quy mô và tính chất phục vụ quy định mức thu phí, tối đa không vượt quá mức thu phí áp dụng đối với thư viện huyện, thị xã, thành phố.

**Điều 3. Quản lý và sử dụng phí thư viện:**

Tiền phí thư viện sau khi thu của bạn đọc, thư viện các cấp thực hiện ngay việc chi hỗ trợ lại cho bạn đọc toàn bộ số tiền phí thư viện đã thu.

Ngân sách các cấp hỗ trợ thư viện cùng cấp chi phí phục vụ thu phí thư viện.

**Điều 4.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Bãi bỏ mục 10 (phí thư viện) phần B trong danh mục, nội dung về phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh. Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XVIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17/4/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/5/2019./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, CP (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, MTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP : TU, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Báo BN, Đài PTTH tỉnh;
- TTXVN tại Bắc Ninh; Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVP. *hsh*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hương Giang**